

CÁC BỘ BỘ LAO ĐỘNG

THÔNG TƯ số 2858 LB-TT ngày 9-11-1956 về việc truy lĩnh lương từ 1-7-1955 cho anh chị em miền Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

Kính gửi: — Các Ủy ban Hành chính
Khu, Thành phố, Tỉnh.
— Các cơ quan Lao động, Tài
chính các cấp.

Đồng kính gửi: — Tổng Liên đoàn Lao động
Việt-nam.
— Các Bộ, các ngành sử dụng
nhân lực

Tại chỉ thị số 4881-CN ngày 27-10-1956 của Thủ
tướng Phủ đã quyết định anh chị em cán bộ, công
nhân, bộ đội chuyên ngành, đồng bào miền Nam
phục vụ trên các công trường đều được truy lĩnh
lương từ 1-7-1955.

Bộ Lao động và Bộ Tài chính đã thỏa thuận
thể thức truy lĩnh lương như sau:

Anh chị em cán bộ xã, công nhân, đồng bào
miền Nam trước không ở trong biên chế miền
Nam, từ ngày ra tập kết, vượt tuyến hoặc trao trả
đã đi phục vụ trên các công trường, nay đã về cơ
quan, xí nghiệp hay còn ở công trường trước đây
chỉ được truy lĩnh từ 1-12-1955 thì nay được truy
lĩnh lương, từ ngày 1-7-1955. Trường hợp vào làm
công trường sau ngày 1-7-1955 thì chỉ được truy
lĩnh từ ngày nhận việc.

Cách thanh toán

Nói chung từ 1-12-1955 trở về trước, anh chị
em miền Nam ra Bắc được hưởng chế độ 45 cân
gạo tại thông tư số 971-LĐ-NV ngày 26-11-1954 của
Bộ Lao động; chế độ 50 cân gạo tại thông tư số
444-BKT ngày 12-2-1955 của Ban Kinh tế Chính phủ;
chế độ 57 cân, 59 cân gạo tại thông tư số 185-TT-
LB ngày 7-8-1955 của Liên Bộ Nội vụ, Lao động,
Tài chính. Vậy khi thanh toán cần xét xem anh chị
em đã hưởng những mức lương nào, vào những
ngày, tháng nào để tính chênh lệch và làm truy lĩnh
cho anh chị em.

Lấy mức tiền lương lĩnh trong tháng 12-1955
và tiền thực lĩnh trong những tháng trước tháng
12-1955 mà tính chênh lệch. Ví dụ:

1. — Tháng 7, 8, 9, 10 và 11-1955 mỗi tháng
lương 57 cân (mỗi cân 450đ, thành tiền: $450đ \times 57$
= 25.650đ.

Tháng 12-1955 lương: 27.000đ.

Truy lĩnh: $(27.000đ - 25.650đ) \times 5 \text{ tháng} = 6.750đ$

2. — Một công nhân về công trường tháng
8-1955 mỗi tháng 59 cân gạo, giá gạo 430đ một
cân mỗi tháng đã lĩnh:

$$430đ \times 59 = 25.370đ$$

$$\text{Tháng 12 lương } 33.750đ$$

$$\text{Truy lĩnh 4 tháng } (33.750đ - 25.370đ) \times 4 \text{ tháng} \\ = 33.520đ.$$

Trên đây là những trường hợp đã áp dụng đúng
thông tư số 185-TT-LB ngày 7-8-1955 của liên bộ Nội
vụ, Lao động, Tài chính. Còn những nơi đã áp dụng
sai nghĩa là chưa trả đúng 57 cân hay 59 cân thì
cũng căn cứ theo lương thực lĩnh tháng 12-1955 và
những tháng trước. (Ở Vĩnh-linh có công trường
chỉ trả cho miền Nam 1c 500 một ngày hay 45 cân
một tháng. Hoặc có trường hợp trước áp dụng sai
đã cho truy lĩnh rồi nhưng theo tinh thần thông tư
này còn thiếu thì nay phải tính cho truy lĩnh thêm.

Ví dụ: Ở công trường 17 trước trả 1c 500 một
ngày hay 45 cân một tháng chỉ mới tính truy lĩnh
theo thông tư số 185 nói trên là 57 cân hay 59 cân
mà thôi thì nay cũng phải tính chênh lệch theo
thực lĩnh lương tháng 12-1955 và số tiền đã được
thanh toán.

Các Bộ, các ngành các công trường, các cơ
quan hiện nay có cán bộ công nhân đồng bào miền
Nam cần tranh thủ thanh toán gấp. Điều chủ yếu là
cho anh em thông cảm được sự quan tâm của Đảng
và Chính phủ đến những nguyện vọng của anh em
để anh em an tâm, tích cực công tác.

Hà-nội, ngày 9 tháng 11 năm 1956

Bộ trưởng Bộ Lao động
NGUYỄN-VĂN-TẠO

BỘ THƯƠNG BINH

THÔNG TƯ số 58-TB-LS4 ngày 10-10-1956 về việc xét cấp tiền tuất cho gia đình liệt sĩ.

Thông tư này ấn định chi tiết thi hành nghị
định số 1060-TTg ngày 27-9-1956 của Thủ tướng
phủ quy định về việc trợ cấp tiền tuất nói ở điều
lệ ưu đãi gia đình liệt sĩ.

I. — Ý NGHĨA MỤC ĐÍCH

Cho tới nay chế độ trợ cấp tử tuất chưa thống
nhất, chưa thi hành được đầy đủ ngành cơ,
ngành không.

Để bổ khuyết các điểm đó và để thay thế cho
các khoản tiền tuất cũ, Thủ tướng phủ đã quy định
về việc trợ cấp tiền tuất ở nghị định số 1060-TTg
ngày 27-9-1956 nói trên nhằm mục đích:

1) Biểu lộ một cách thiết thực lòng biết ơn
của Chính phủ và nhân dân đối với gia đình
liệt sĩ.

2) Giúp đỡ gia đình liệt sĩ có thêm điều kiện
làm ăn và ổn định đời sống.

3) Động viên gia đình liệt sĩ, quân nhân, cán
bộ, hăng hái công tác và phấn đấu.

II. — ĐIỀU KIỆN HƯỞNG TIỀN TUẤT

1) Tất cả những gia đình có thân nhân được coi là liệt sĩ và được tỉnh đề nghị cấp Bằng Tổ quốc ghi công theo Thông tư số 47-TB-LS ngày 28-5-1956 của Bộ Thương binh, từ trước tới nay chưa được lĩnh một khoản trợ cấp tử tuất nào, đều được cấp khoản tiền tuất này.

2) Tiền tuất chỉ cấp một lần cho cả gia đình liệt sĩ do người thân nhân gần nhất đứng ra đề nghị và lĩnh. Người thân nhân gần nhất là vợ, chồng, nếu không có vợ, chồng hay vợ đã tái giá thì con của liệt sĩ đứng lĩnh. Nếu không có con thì cha mẹ được lĩnh. Nếu không còn cha mẹ thì em dưới 16 tuổi được lĩnh. Nếu không có em dưới 16 tuổi thì người nào có công nuôi liệt sĩ từ nhỏ đến lớn như con đẻ, hay người mà liệt sĩ có nhiệm vụ nuôi nấng, được lĩnh.

3) Đối với gia đình liệt sĩ miền Nam thì tạm hoãn việc xét cấp cho đến khi thống nhất toàn quốc. Riêng đối với gia đình liệt sĩ miền Nam tập kết ra Bắc thì ở địa phương nào, sẽ kê khai với Ủy ban Hành chính xã địa phương đó đề nghị xét cấp tiền tuất.

4) Gia đình liệt sĩ Việt kiều hiện trú tại các nước có quan hệ ngoại giao với nước ta thì do cơ quan Đại sứ, Lãnh sự Việt-nam tại các nước đó xét và đề nghị về Bộ Thương binh xét cấp. Đối với các gia đình liệt sĩ Việt kiều hiện trú tại các nước chưa có quan hệ ngoại giao với nước ta, thì tạm hoãn việc xét cấp.

5) Gia đình liệt sĩ ngoại kiều trú tại miền Bắc nước ta cũng được xét cấp tiền tuất.

III. — NGUYÊN TẮC CẤP TIỀN TUẤT

1) Gia đình có bao nhiêu liệt sĩ được cấp tiền tuất bấy nhiêu lần. Mỗi lần nhiều hay ít tùy theo thâm niên và cấp bậc của liệt sĩ, từ 3 tháng đến 12 tháng sinh hoạt phí hay lương bổng kể cả các khoản phụ cấp tính thành tiền theo tiêu chuẩn lương bổng hay sinh hoạt phí khi xét cấp tiền tuất.

Liệt sĩ đã tòng ngũ hay thoát ly công tác dưới ba năm thì gia đình được cấp 3 tháng sinh hoạt phí hay lương bổng của liệt sĩ. Trên 3 năm thì cứ thêm nửa năm, gia đình được cấp thêm nửa tháng sinh hoạt phí hay lương bổng. Những tháng thừa nếu dưới ba tháng thì không tính, từ ba tháng trở lên, cũng coi như 6 tháng, được cấp thêm nửa tháng sinh hoạt phí hay lương bổng, cho đến mức tối đa là 12 tháng.

2) Đối với những gia đình liệt sĩ không biết rõ chức vụ, thâm niên cách mạng của liệt sĩ, thì liệt sĩ là cán bộ cấp nào tiền tuất sẽ tính theo sinh hoạt phí hay lương bổng bậc thấp nhất của cấp đó mà cấp ba tháng. Trường hợp không biết cán bộ cấp nào thì tính theo mức khởi điểm của thang lương hành chính hay sinh hoạt phí quân đội hiện nay.

Riêng đối với liệt sĩ lúc sống tham gia công tác bán thoát ly, không hưởng sinh hoạt phí hay lương bổng thì gia đình được cấp khoản tiền tuất là năm vạn đồng (50.000đ.)

3) Những gia đình liệt sĩ đã lĩnh một trong những khoản trợ cấp sau đây đều coi là đã lĩnh tiền tuất và không được xét cấp nữa :

— Trợ cấp tiền tuất theo quyết định số 100-QĐ-LB-C2 ngày 19-3-1952 của Tổng Cục Hậu cần Bộ Quốc phòng, đối với quân nhân mất khi tại ngũ.

— Trợ cấp tiền tuất theo Thông tư số 27-TT-LB-VFV ngày 24 tháng 11-1951, của Liên Bộ Nội vụ, Tài chính, thi hành cho công chức bị chết trong khi làm nhiệm vụ.

— Trợ cấp theo nghị định Liên Bộ Nội vụ Lao động số 111 ngày 11-11-1955, thi hành đối với công nhân bị chết vì tai nạn Lao động.

— Trợ cấp theo nghị định số 703-TTG ngày 29-2-1956 của Thủ tướng Phủ cho công nhân viên chết vì tai nạn lao động.

Các gia đình liệt sĩ đã được cấp số tiền tuất của Bộ Thương binh mà định xuất tính theo giá sinh hoạt năm 1947-1948 là 60đ, 90đ tài chính, nay đều coi như chưa lĩnh và được hưởng khoản tiền tuất nói trong thông tư này.

Những gia đình liệt sĩ Dân, Chính, Đảng (trước đây tuy có được đoàn thể ủy lạo một số tiền nhỏ, không nhất định, cũng coi là chưa lĩnh tiền tuất và đều được xét cấp.

4) Đối với cán bộ công nhân viên, công chức chết vì tai nạn lao động sau ngày 29-2-1956, nhưng được công nhận là liệt sĩ, gia đình được hưởng khoản trợ cấp theo nghị định số 703-TTG ngày 29-2-1956 của Thủ tướng Phủ.

IV. — THẺ THỨC ĐỀ NGHỊ HƯỞNG TIỀN TUẤT

1) Các gia đình liệt sĩ sẽ phối hợp với việc xin cấp Bằng Tổ quốc ghi công mà đề nghị hưởng tiền tuất. Trong đơn xin cấp bằng sẽ ghi rõ đã được lĩnh khoản trợ cấp tiền tuất nào chưa, hoặc đã lĩnh bao nhiêu tiền, lĩnh ngày nào. Nếu có sổ hưu bổng loại tiền tuất cũ thì đính theo hồ sơ gửi lên trên. Ủy ban Hành chính xã hay khu phố sẽ phối hợp với việc lập hồ sơ đề nghị cấp Bằng Tổ quốc ghi công mà điều tra và chứng nhận vào đơn :

a) Gia đình đó được lĩnh khoản trợ cấp nào chưa ?

b) Hoàn cảnh thiếu thốn hay đầy đủ.

c) Có được đề nghị cấp Bằng Tổ quốc ghi công và công nhận là gia đình liệt sĩ không.

Ủy ban Hành chính xã hay khu phố sẽ ghi ý kiến nhận xét của mình vào đơn rồi lập danh sách gửi cả hồ sơ đó kèm theo sổ tiền tuất cũ (nếu có) lên Ủy ban Hành chính tỉnh hay thành phố duyệt và đề nghị Bộ Thương binh xét định.

2) Đối với gia đình liệt sĩ mất từ nay trở đi, việc trợ cấp sẽ do Ban chỉ huy đơn vị từ cấp Trung đoàn trở lên hay Thủ trưởng cơ quan từ cấp tỉnh trở lên nhận xét và đề nghị về Bộ Thương binh xét định.

3) Đối với gia đình liệt sĩ miền Nam hiện trú tại cơ quan Trung ương thì do Thủ trưởng cơ quan chứng nhận và đề nghị. Nếu trú tại các cơ quan khu, tỉnh thì do Thủ trưởng cơ quan đó chứng nhận và đề nghị chuyển Ủy ban Hành chính tỉnh địa phương xét và đề nghị về Bộ Thương binh.

4) Trường hợp gia đình liệt sĩ bị hoãn việc cấp Bằng Tổ quốc ghi công, việc xét cấp tiền tuất cũng tạm hoãn.

5) Đối với những trường hợp gia đình liệt sĩ phải thu hồi Bằng Tổ quốc ghi công, nếu chưa cấp tiền tuất thì cũng đình chỉ việc xét cấp. Nhưng nếu đã cấp rồi thì không phải hoàn lại.

V. — THẺ LỆ XÉT CẤP TIỀN TUẤT

1) Các hồ sơ đề nghị hưởng tiền tuất phải qua Ủy ban hành chính xã, khu phố chứng thực, ghi nhận xét và gửi về Ủy ban Hành chính tỉnh, thành phố duyệt và đề nghị về Bộ Thương binh.

2) Bộ thương binh sẽ xét từng hồ sơ với ý kiến của Ủy ban Hành chính địa phương, lần lượt ra quyết định phát tiền tuất, chuyển tiền về các tỉnh hay thành phố cùng với quyết định, đồng thời gửi phiếu báo trả tiền tuất (mẫu đính theo) cho gia đình liệt sĩ ở xã hay khu phố biết. Gia đình sẽ mang phiếu đó trực tiếp lên Ủy ban Hành chính tỉnh hay thành phố lĩnh hoặc nhờ Ủy ban Hành

chính xã hay khu phố lên lĩnh về trao lại cho gia đình.

3) Đề thích ứng với khả năng tài chính và khả năng xét cấp, với sự cần thiết trước và sau của gia đình liệt sĩ, Bộ Thương binh sẽ xét cấp tiền tuất trước cho các gia đình liệt sĩ túng thiếu, và dần dần xét cấp cho các gia đình liệt sĩ khác.

4) Khi tỉnh hay xã trao khoản tiền tuất cần nêu mạnh ý nghĩa mục đích của tiền tuất, đồng thời giải thích việc người được lĩnh trước, người được lĩnh sau, chủ ý làm cho các gia đình chưa được lĩnh khỏi thắc mắc.

5) Nếu gia đình trực tiếp lĩnh tiền tuất, phải lấy giấy giới thiệu của Ủy ban Hành chính xã hay khu phố, khi lĩnh phải ký nhận vào phiếu trả tiền tuất rồi trao phiếu đó cho Ủy ban Hành chính tỉnh, thành phố.

Cuối mỗi tháng Ủy ban Hành chính tỉnh, thành phố lập danh sách các gia đình liệt sĩ đã lĩnh tiền tuất báo cáo về Bộ, đính theo các phiếu báo trả tiền tuất có ký nhận của gia đình.

Tiền tuất trả cho các gia đình liệt sĩ là một chính sách của Chính phủ nhằm thực tế an ủi gia đình liệt sĩ.

Bộ yêu cầu Ủy ban Hành chính các cấp phổ biến sau kỳ thông tư này, hướng dẫn thi hành chu đáo, bảo đảm được mục đích ý nghĩa của chính sách.

Hà-nội, ngày 10 tháng 10 năm 1956

Bộ trưởng Bộ Thương binh.

Bác sĩ VŨ-ĐÌNH-TỤNG

BỘ THƯƠNG BINH

VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

PHIẾU CẤP TIỀN TUẤT số _____

Theo quyết định số _____ ngày _____

Bộ Thương binh ấn định trả tiền tuất cho _____

ở xã _____ huyện _____ tỉnh _____

là _____ của _____ số tiền là _____

tính bằng _____ tháng sinh hoạt phí hay lương bổng của _____

Vậy trân trọng báo _____ cảm giấy này hoặc ủy quyền người khác mang giấy này tới U.B.H.C. _____ lĩnh khoản tiền nói trên trong thời hạn từ nay đến _____

Khi đi lĩnh cần mang theo giấy giới thiệu của Ủy ban Hành chính xã hay khu phố.

Ngày _____ tháng _____ năm 195 _____

Ký nhận đủ số tiền ghi trong phiếu

Hà-nội, ngày _____ tháng _____ năm 195 _____

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG BINH

Chứng nhận đã trả tiền ngày _____

(U. B. H. C. Tỉnh, Thành phố ký tên, đóng dấu)